

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-3-2020

Về việc Ly hôn và con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Hạ,
2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà -Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 863/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2020 và Q định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-HGND, ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức Q; Nơi cư trú: Thôn 02, xã MT, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải Q vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị TT; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Mô Gia, phường KS, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ở: Thôn 02, xã MT, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án giải Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải Q vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Đức Q trình bày: Anh và chị Lê Thị TT kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MT vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau tại thôn 02, xã MT, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu

thuần và căng thẳng nhất vào năm 2017. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, do mâu thuẫn nên vợ chồng sống thờ ơ lạnh nhạt và chị Thanh đã cùng con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay không còn quan tâm nhau, nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ đề nghị Tòa án giải Q cho anh được ly hôn chị Lê Thị TT.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị TT có 01 con chung tên: Nguyễn Đức Dũng, sinh ngày 11/4/2014, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do chị Thanh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn nguyện vọng của anh Q đề nghị Tòa án giải Q cho anh được nuôi con chung, tuy nhiên vì hiện nay con chung còn nhỏ để con ổn định cuộc sống và học tập anh đồng ý tự nguyện để chị Thanh tiếp tục nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh Q nhận trách nhiệm mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Thanh là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức Q trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải Q.

Bị đơn chị Lê Thị TT đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Q định đưa vụ án ra xét xử, Q định hoãn phiên tòa, chị Thanh đã có đơn đề nghị Tòa án giải Q vắng mặt và không có văn bản nào khác gửi đến Tòa án ghi ý kiến trình bày quan điểm về việc anh Nguyễn Đức Q xin ly hôn và giải Q về con chung khi ly hôn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải Q vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Nguyễn Đức Q đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn là chị Lê Thị TT được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn đề nghị Tòa án giải Q vắng mặt nhưng không có văn bản nào khác gửi đến Tòa án ghi ý kiến trình bày quan điểm về việc anh Nguyễn Đức Q xin ly hôn và giải Q về con chung khi ly hôn. Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Đức Q và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ nhân nhân: Cho anh Nguyễn Đức Q được ly hôn chị Lê Thị TT; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con chung tên: Nguyễn Đức Dũng, sinh ngày 11/4/2014 cho chị Lê Thị TT nuôi dưỡng chăm sóc, cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức Q nhận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Thanh mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức Q trình bày vợ chồng không có tài sản chung, bị đơn chị Thanh không có quan điểm

trình bày về tài sản, nên không đề cập giải Q trong vụ án án; Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đức Q; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Đức Q và bị đơn chị Lê Thị TT đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức Q và chị Lê Thị TT kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TN, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67, ngày 08/7/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, vợ chồng sống thờ ơ lạnh nhạt không quan tâm nhau và đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, do mâu thuẫn chị Thanh đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay để ổn định cuộc sống anh Q đề nghị Tòa án giải Q cho anh được ly hôn chị Lê Thị TT. Quá trình giải Q vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Q định đưa vụ án ra xét xử, Q định hoãn phiên tòa. Chị Thanh đã có đơn đề nghị Tòa án giải Q vắng mặt và không có văn bản nào khác gửi đến Tòa án ghi ý kiến trình bày quan điểm về việc anh Nguyễn Đức Q xin ly hôn và giải Q về con chung khi ly hôn. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị Thanh đã kéo dài và không còn khả năng đoàn tụ được nữa. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức Q, cho anh Nguyễn Đức Q được ly hôn chị Lê Thị TT.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Đức Q và chị Lê Thị TT có 01 con chung tên: Nguyễn Đức Dũng, sinh ngày 11/4/2014, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do chị Thanh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn vì hiện nay con chung còn nhỏ để con ổn định cuộc sống và học tập anh đồng ý tự nguyện để chị Thanh tiếp tục nuôi con chung. Trong quá trình giải Q vụ án bị đơn chị Lê Thị TT vắng mặt không có ý kiến trình bày về con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tài liệu xác minh tại

địa phương và gia đình xác định kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do chị Lê Thị TT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử Q định giao con chung tên Nguyễn Đức Dũng cho chị Thanh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh Q nhận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Thanh là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, chị Lê Thị TT vắng mặt, song xét việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Q là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung:

Anh Nguyễn Đức Q trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải Q. Quá trình giải Q vụ án, bị đơn chị Lê Thị TT chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải Q trong vụ án này.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Đức Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đức Q được ly hôn chị Lê Thị TT.
2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức Dũng, sinh ngày 11/4/2014, cho chị Lê Thị TT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Nguyễn Đức Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị TT mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 3/2020, cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Chị Lê Thị TT) đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh Nguyễn Đức Q chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều

357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức Q phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm, tổng bằng 600.000 đồng. Anh Nguyễn Đức Q đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003147, ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Đức Q còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm.

Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã MT, huyện TN;
- UBND phường KS, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đắc Hân

Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Quảng Thanh, huyện TN;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Lập Lễ, huyện TN;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã MT, huyện TN, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

